



1.

INTRODUCTION

Nhóm 12





THÀNH VIÊN

1. TRẦN VĂN ANH
2. LÊ THỊ THÙY DƯƠNG
3. VŨ HỮU ĐẠT (NT)
4. PHẠM HƯƠNG GIANG
5. NGUYỄN THỊ HẬU

1.1 DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

⚙️ DỰ ÁN

- Dự án là một nỗ lực tạm thời nhằm tạo ra một sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả độc đáo.
- Mục tiêu của dự án được đạt khi đã hoàn thành hoặc khi dự án bị chấm dứt, hoặc khi không còn nhu cầu cho dự án nữa.
- Quyết định chấm dứt một dự án yêu cầu sự phê chuẩn và ủy quyền từ một cơ quan có thẩm quyền.

1.1 DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

⚙️ QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Là việc áp dụng kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật vào các hoạt động để đáp ứng các yêu cầu của dự án.
- Được thực hiện thông qua việc áp dụng và tích hợp phù hợp các quy trình quản lý dự án được xác định cho dự án.
- Quản lý một dự án thường bao gồm nhưng không giới hạn ở:
 - Xác định yêu cầu
 - Giải quyết các nhu cầu khác nhau của các bên liên quan
 - Thiết lập và duy trì liên lạc với các bên liên quan
 - Quản lý tài nguyên

1.1 DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

⚙️ QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Cân nhắc các hạn chế cạnh tranh của dự án, bao gồm nhưng không giới hạn ở
 - Phạm vi và Lịch trình
 - Chi phí và Tài nguyên
 - Chất lượng và Rủi ro.
- Tình huống của dự án sẽ ảnh hưởng đến cách thực hiện từng quy trình quản lý dự án và cách ưu tiên các hạn chế của dự án.

1.2 MỐI QUAN HỆ GIỮA DANH MỤC, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN

⚙ DANH MỤC

- Danh mục (portfolio) là một tập hợp các dự án, chương trình, các bộ sưu tập phụ và hoạt động vận hành được quản lý một cách hợp nhất để đạt được các mục tiêu chiến lược.
- Quản lý danh mục là việc quản lý tập trung một hoặc nhiều bộ sưu tập nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược.
- Đảm bảo bộ sưu tập hoạt động phù hợp với mục tiêu của tổ chức và tối ưu hóa phân bổ tài nguyên.
- Danh mục có thể bao gồm công việc mang tính chất hoạt động.

1.2 MỐI QUAN HỆ GIỮA DANH MỤC, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN

⚙️ CHƯƠNG TRÌNH

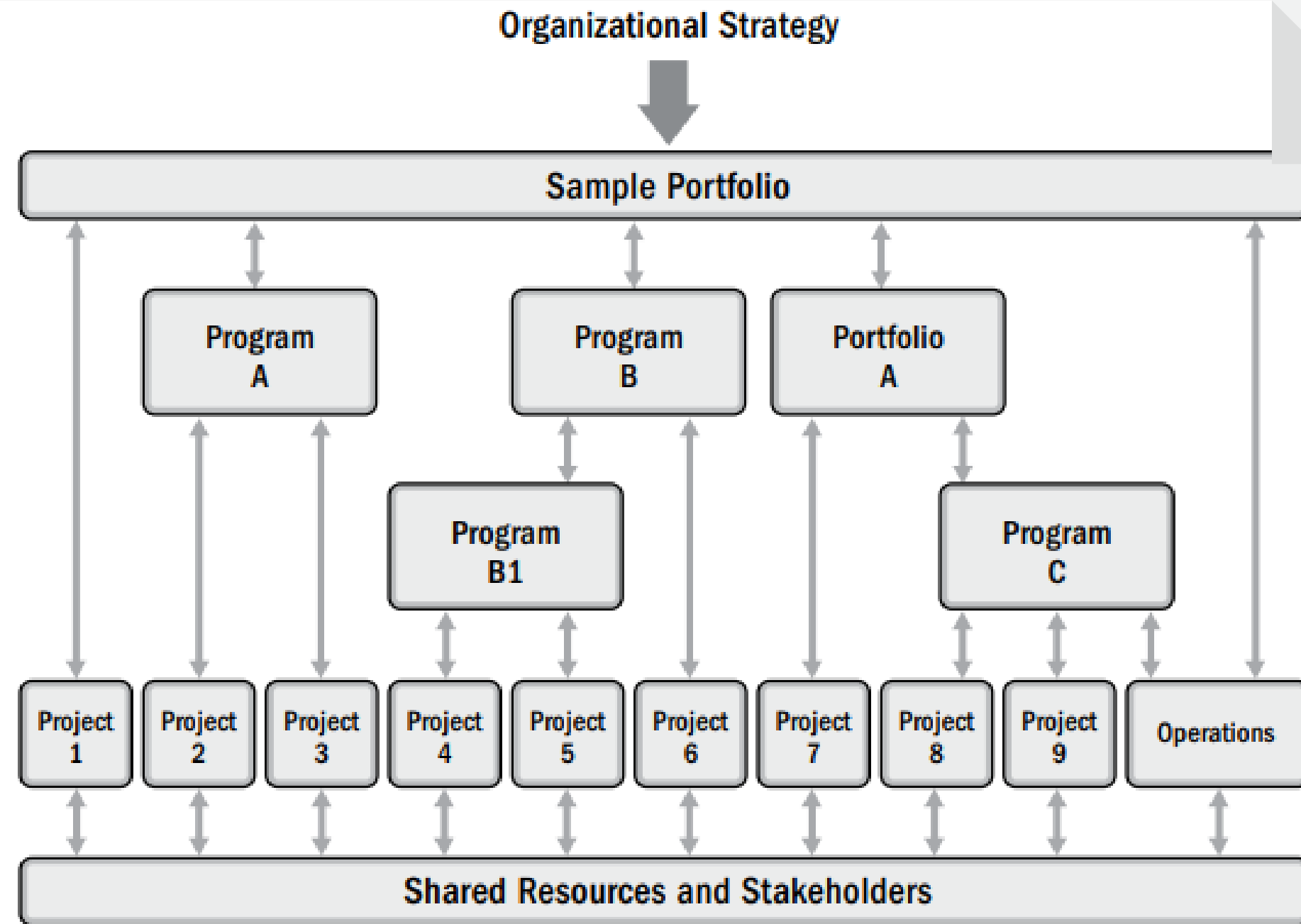
- Chương trình (program) là các dự án liên quan, các chương trình phụ và hoạt động chương trình được quản lý hợp nhất để đạt được những lợi ích không có khi quản lý cá nhân.
- Quản lý chương trình là việc áp dụng kiến thức, kỹ năng và nguyên tắc vào một chương trình để đạt được mục tiêu.
- Chương trình có thể bao gồm công việc mang tính chất hoạt động.
- Quản lý chương trình hỗ trợ các chiến lược tổ chức bằng cách ủy quyền, thay đổi hoặc chấm dứt các dự án và quản lý các sự phụ thuộc

1.2 MỐI QUAN HỆ GIỮA DANH MỤC, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN

⚙ DỰ ÁN

- Dự án (project) có thể được quản lý trong ba tình huống riêng biệt: dự án độc lập (không thuộc bộ sưu tập hoặc chương trình); trong một chương trình, hoặc trong một danh mục.
- Quản lý dự án (project management) tương tác với quản lý danh mục và chương trình khi dự án nằm trong một danh mục hoặc chương trình.

VÍ DỤ VỀ MỐI QUAN HỆ



Các chiến lược và ưu tiên của tổ chức được liên kết và có mối quan hệ giữa các danh mục và chương trình, giữa các danh mục và dự án, và giữa các chương trình và các dự án cá nhân. Những mối quan hệ này không luôn luôn theo cấp bậc nghiêm ngặt.

1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ QUẢN TRỊ TỔ CHỨC

- Quản trị tổ chức là một cách có cấu trúc để cung cấp hướng dẫn và kiểm soát thông qua các chính sách và quy trình, để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và hoạt động.
- Quản trị tổ chức thường được thực hiện bởi hội đồng quản trị để đảm bảo sự chịu trách nhiệm, công bằng và minh bạch đối với các bên liên quan của nó.

1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC

- Áp dụng các yêu cầu về pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và tuân thủ quy định.
- Xác định trách nhiệm đạo đức, xã hội và môi trường.
- Chỉ định chính sách hoạt động, pháp lý và rủi ro.

1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

- Là bộ khung, chức năng và quy trình hướng dẫn các hoạt động quản lý dự án nhằm tạo ra một sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả độc đáo để đáp ứng mục tiêu tổ chức, chiến lược và hoạt động



1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ QUẢN TRỊ DỰ ÁN BAO GỒM

- Hướng dẫn và giám sát
- Đảm bảo tuân thủ chính sách
- Thiết lập vai trò, trách nhiệm
- Quyết định liên quan đến việc rủi ro, thay đổi và nguồn lực
- Đảm bảo sự tương tác phù hợp với các bên liên quan.
- Theo dõi hiệu suất.



1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ KHUNG QUẢN TRỊ DỰ ÁN

- Khung quản trị dự án cung cấp cho các bên liên quan của dự án cấu trúc, quy trình, vai trò, trách nhiệm, sự chịu trách nhiệm và mô hình ra quyết định để quản lý dự án

1.3 KẾT NỐI QUẢN TRỊ TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN

⚙️ CÁC YẾU TỐ CỦA MỘT KHUNG QUẢN TRỊ DỰ ÁN

- Kiểm tra, xem xét giai đoạn.
- Xác định và giải quyết rủi ro và vấn đề.
- Định nghĩa vai trò, trách nhiệm và quyền hạn.
- Quy trình quản lý kiến thức dự án và ghi nhận bài học.
- Ra quyết định, giải quyết vấn đề và leo thang các vấn đề vượt quá thẩm quyền của quản lý dự án.
- Xem xét và phê duyệt các thay đổi.

1.4. THÀNH CÔNG DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ LỢI ÍCH



Việc đo lường thành công và quản lý lợi ích đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện dự án và đảm bảo rằng nó đáp ứng mục tiêu chiến lược của tổ chức.

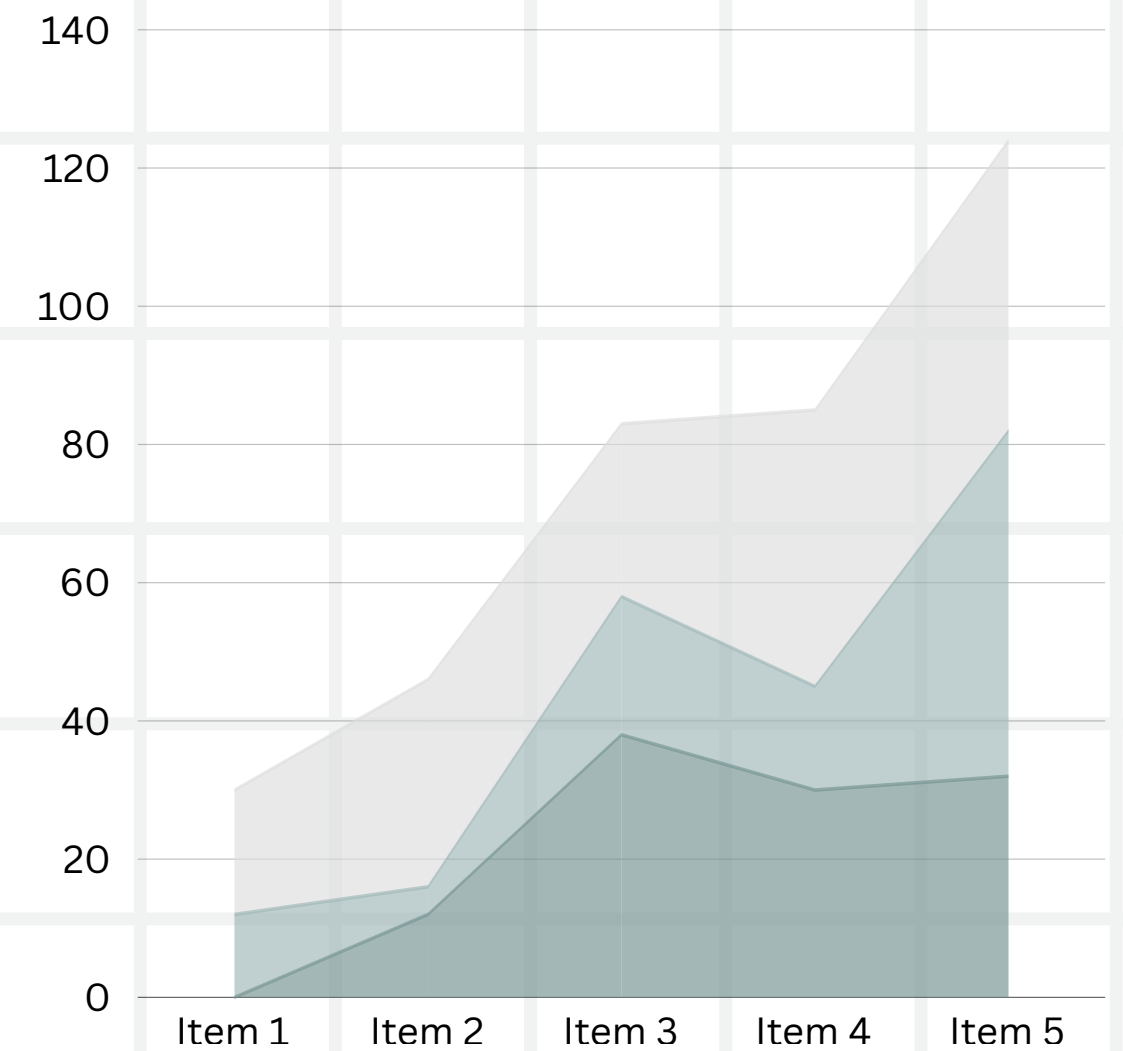
KẾ HOẠCH KINH DOANH

Dự án được khởi xướng để thực hiện cơ hội kinh doanh của tổ chức, thông qua việc phát triển kế hoạch kinh doanh để định rõ mục tiêu và tiêu chí thành công của dự án. Kế hoạch kinh doanh đo lường sự thành công và tiến triển của dự án



YẾU TỐ CHIẾN LƯỢC

- Nhu cầu thị trường,
- Cơ hội chiến lược/nhu cầu kinh doanh,
- Nhu cầu xã hội,
- Xem xét môi trường,
- Yêu cầu từ khách hàng,
- Tiến bộ công nghệ,



KẾ HOẠCH QUẢN LÝ LỢI ÍCH

Mô tả cách thức và thời điểm lợi ích của dự án sẽ được giao và cách thức để đo lường chúng, bao gồm:

- Mục tiêu lợi ích
- Sự phối hợp chiến lược
- Chủ sở hữu lợi ích
- Các tiêu chí đánh giá
- Rủi ro



THÀNH CÔNG CỦA DỰ ÁN

- Đo lường dựa trên mục tiêu và tiêu chí: so sánh kết quả với các mục tiêu và tiêu chí cụ thể mà dự án đề ra.
- Thời điểm xác định thành công: đôi khi kết quả không thể biết trước cho đến khi dự án hoàn tất.
- Đánh giá thành công sau dự án: kết quả của dự án có đáp ứng được mục tiêu kinh doanh hay không

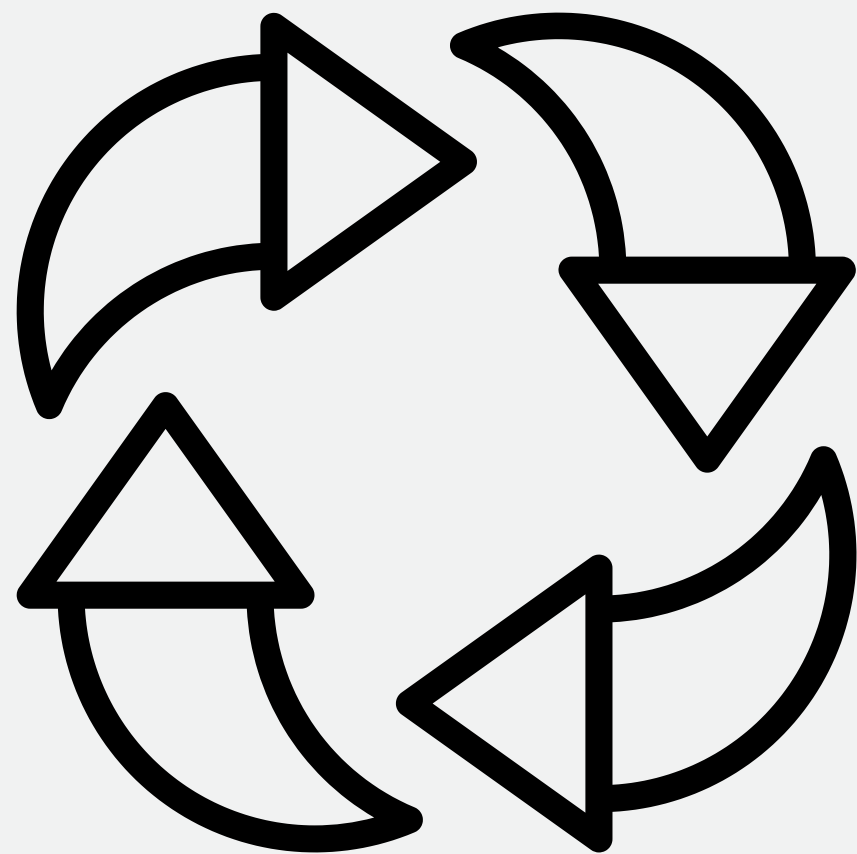


KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ LỢI ÍCH

- Cả hai tài liệu này được phát triển trước khi dự án bắt đầu.
- Cả 2 được sử dụng và tham khảo sau khi dự án hoàn thành.
- Chúng được xem xét là tài liệu kinh doanh, không phải tài liệu dự án hoặc một phần của kế hoạch quản lý dự án.



1.5. VÒNG ĐỜI CỦA DỰ ÁN



Vòng đời của một dự án là chuỗi các giai đoạn mà dự án trải qua từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành. Mỗi giai đoạn của dự án là một tập hợp các hoạt động liên quan logic nhau dẫn đến việc hoàn thành một hoặc nhiều sản phẩm đầu ra.

CÁC GIAI ĐOẠN

- Giai đoạn có thể theo tuần tự, lặp lại hoặc chồng chéo.
- Mỗi giai đoạn có thời hạn cụ thể và một điểm kiểm soát.



VÒNG ĐỜI

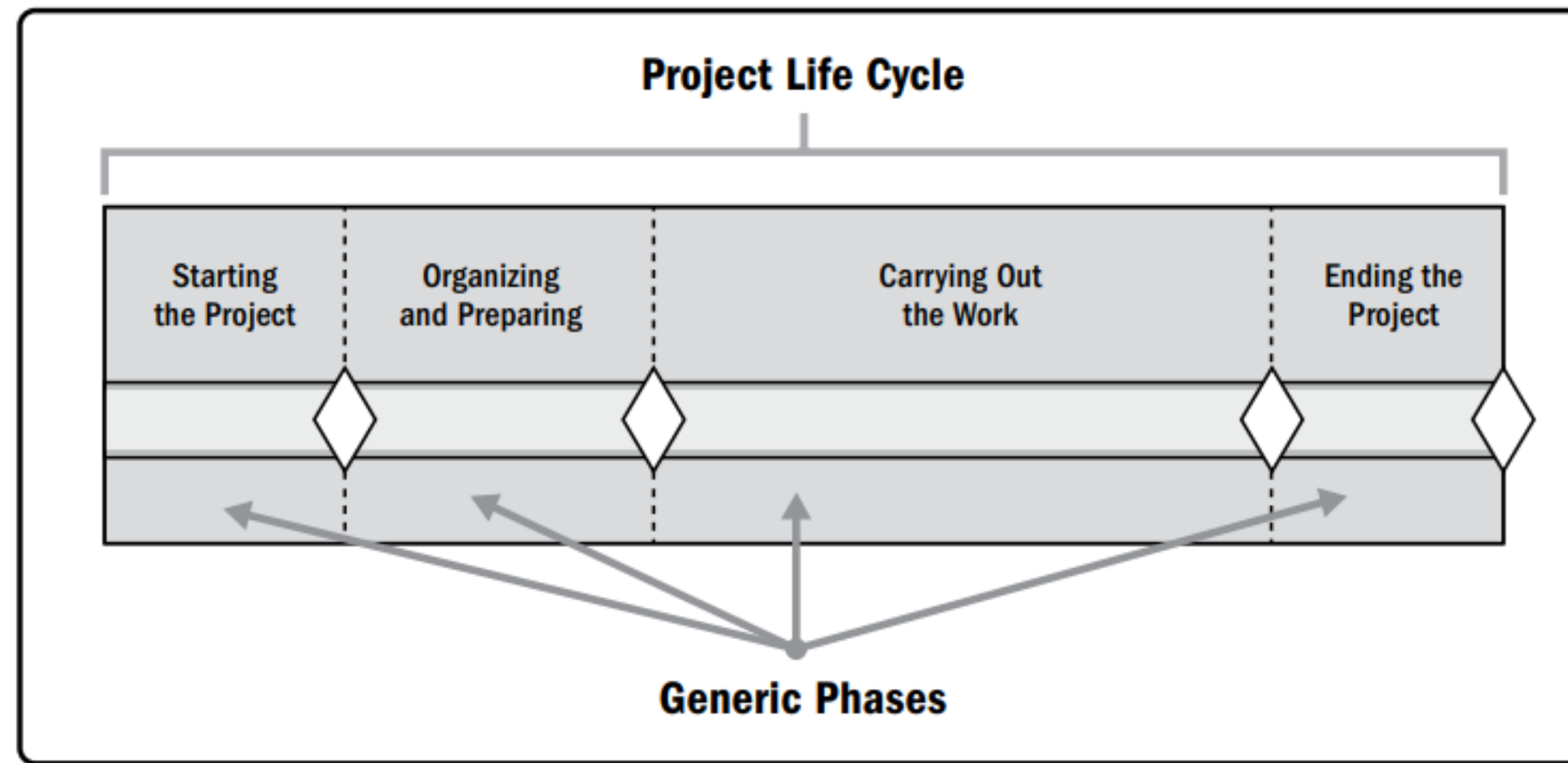


Figure 1-2. Generic Depiction of a Project Life Cycle

CẤU TRÚC VÒNG ĐỜI

- Chi phí và Nhân Sự
- Rủi Ro và Quyết Định
- Khả năng Ảnh Hưởng của Bên Liên Quan



CẤU TRÚC VÒNG ĐỜI

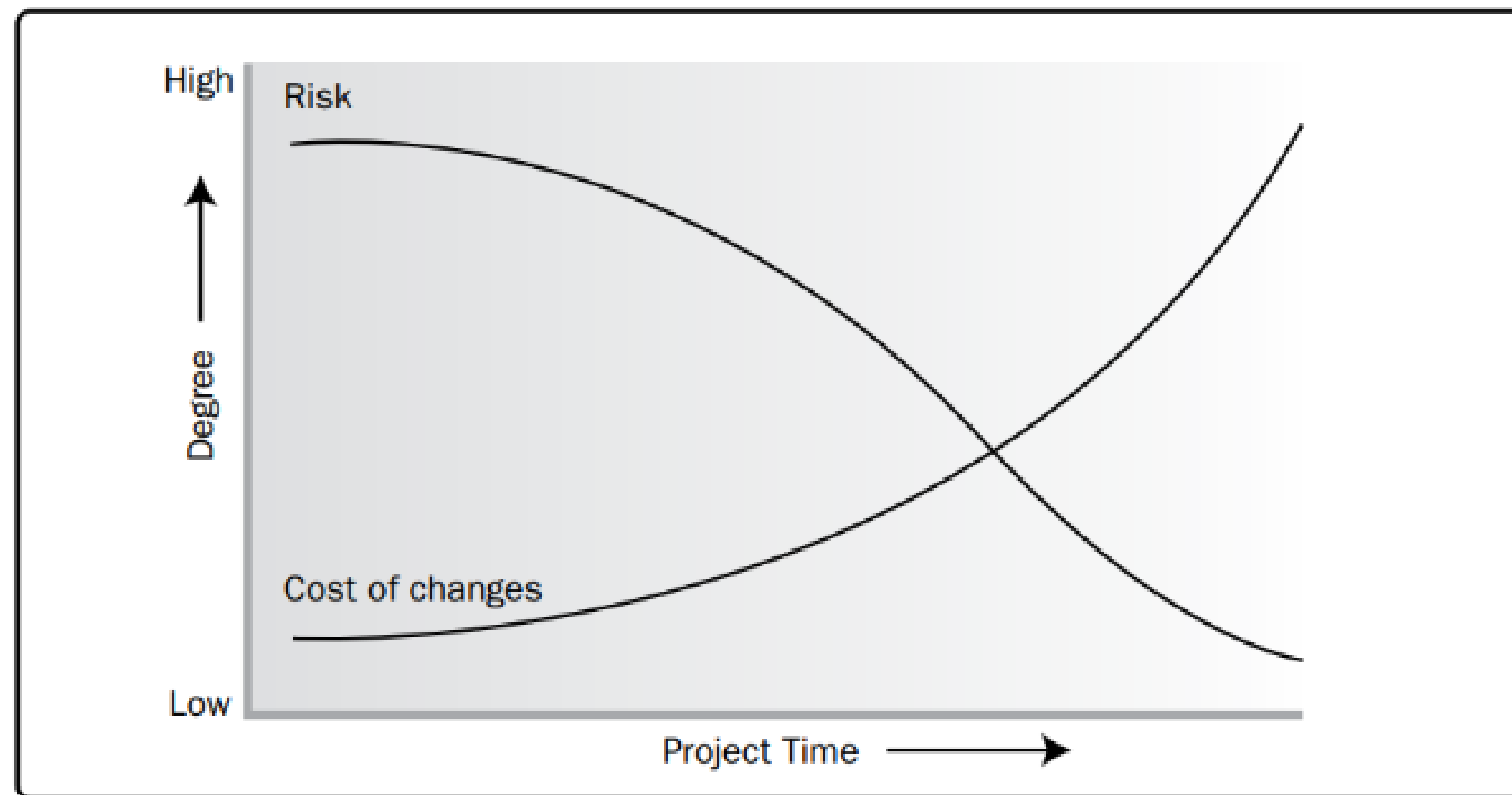
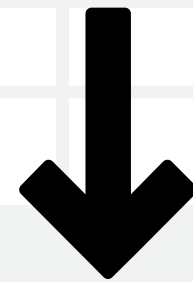


Figure 1-3. Impact of Variables Over Time

1.6 NHỮNG BÊN LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

- Bên liên quan là một cá nhân, nhóm hoặc tổ chức có thể ảnh hưởng, bị ảnh hưởng hoặc nhận thấy mình bị ảnh hưởng bởi một quyết định, hoạt động hoặc kết quả của một dự án.
- Các bên liên quan của dự án có thể ở bên trong hoặc bên ngoài dự án, họ có thể tham gia tích cực, tham gia thụ động hoặc không biết về dự án.
- Các bên liên quan của dự án có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến dự án, hoặc bị dự án tác động tích cực hoặc tiêu cực

VÍ DỤ VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN



BÊN LIÊN QUAN BÊN TRONG

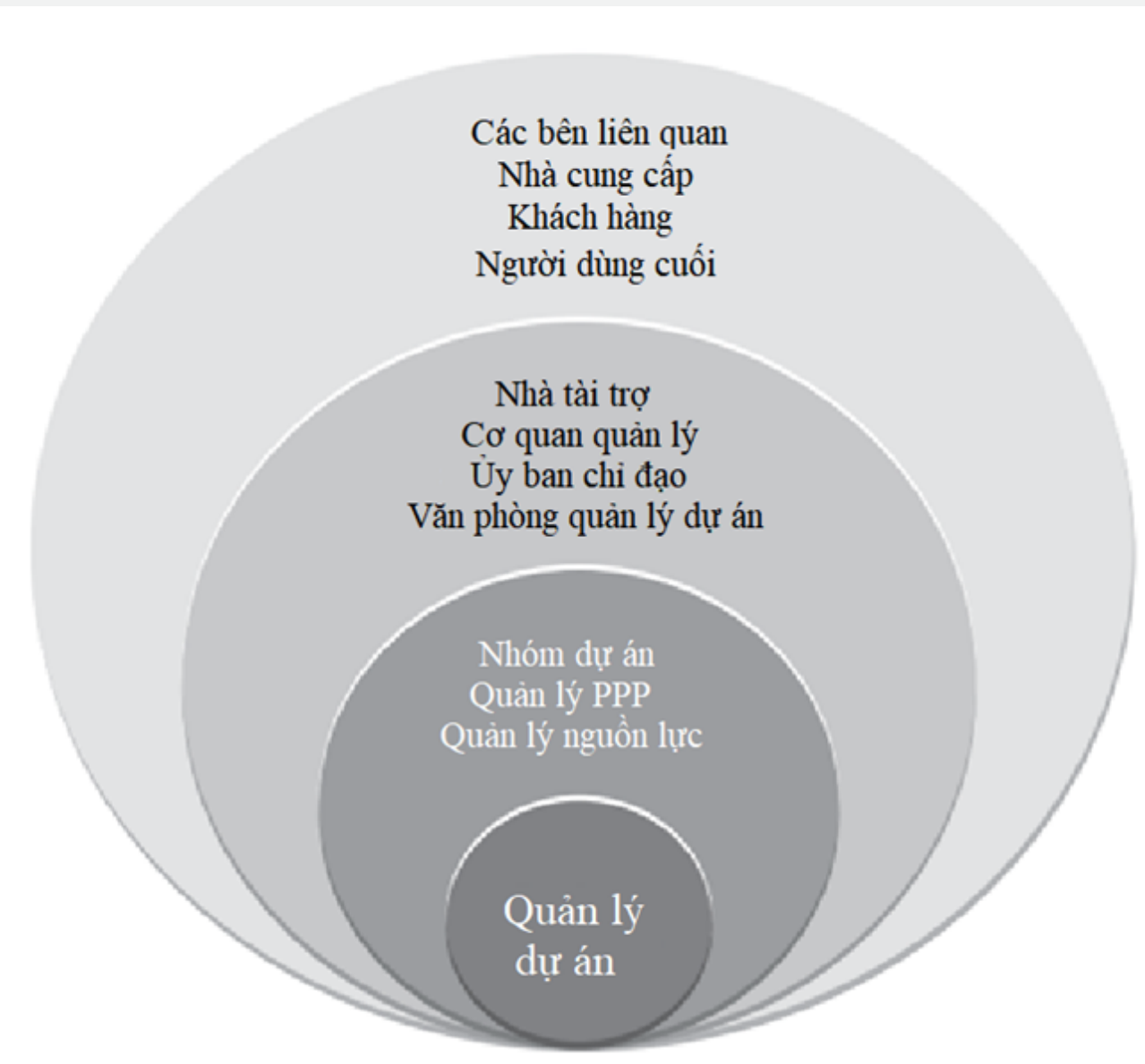
Nhà tài trợ
Quản lý nguồn lực
Văn phòng quản lý dự án (PMO)
Ban chỉ đạo danh mục đầu tư
Quản lý chương trình
Quản lý dự án của các dự án khác
Thành viên trong nhóm



BÊN LIÊN QUAN BÊN NGOÀI

Khách hàng
Người dùng cuối
Nhà cung cấp
Cổ đông
Tổ chức quản lý
Đối thủ cạnh tranh

VÍ DỤ VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN



1.7 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DỰ ÁN

Người quản lý dự án là người được tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ lãnh đạo, dẫn dắt nhóm chịu trách nhiệm đạt được các mục tiêu của dự án. Mỗi quan hệ báo cáo của người quản lý dự án dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý dự án.

Ngoài những kỹ năng kỹ thuật cụ thể và trình độ quản lý chung cần thiết cho dự án, người quản lý dự án nên có ít nhất các yếu tố sau đây:



1.7 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DỰ ÁN



- 🔍 Kiến thức về quản lý dự án, môi trường kinh doanh, các khía cạnh kỹ thuật và thông tin khác cần thiết để quản lý dự án một cách hiệu quả.
- 🔍 Các kỹ năng cần thiết để lãnh đạo nhóm dự án, điều phối công việc, cộng tác với các bên liên quan, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định một cách hiệu quả



1.7 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DỰ ÁN



- 🔍 Khả năng phát triển và quản lý phạm vi, lịch trình, ngân sách, nguồn lực, rủi ro, kế hoạch, báo cáo và trình bày.
- 🔍 Những yếu tố khác cần thiết để quản lý dự án thành công, như tính cách, thái độ, đạo đức và khả năng lãnh đạo.




1.7 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DỰ ÁN

Người quản lý dự án thực hiện công việc thông qua nhóm dự án và các bên liên quan khác.

Người quản lý dự án dựa vào những kỹ năng giao tiếp quan trọng, bao gồm nhưng không giới hạn:



KỸ NĂNG QUAN TRỌNG



```
graph TD; A[KỸ NĂNG QUAN TRỌNG] --- B[Lãnh đạo  
Xây dựng đội ngũ  
Tạo động lực  
Giao tiếp]; A --- C[Tạo ảnh hưởng  
Ra quyết định  
Nhận thức về chính trị và văn hóa  
Đàm phán]; A --- D[Hỗ trợ  
Quản lý xung đột  
Huấn luyện]
```

Lãnh đạo
Xây dựng đội ngũ
Tạo động lực
Giao tiếp

Tạo ảnh hưởng
Ra quyết định
Nhận thức về chính trị và văn hóa
Đàm phán

Hỗ trợ
Quản lý xung đột
Huấn luyện

1.7 VAI TRÒ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Người quản lý dự án thành công khi đạt được mục tiêu của dự án. Một khía cạnh khác của thành công là sự hài lòng của các bên liên quan.
- Người quản lý dự án nên đáp ứng các nhu cầu, mối quan tâm và mong đợi của các bên liên quan để làm hài lòng các bên liên quan liên quan. Để thành công, người quản lý dự án nên điều chỉnh phương pháp, vòng đời và quy trình quản lý dự án để đáp ứng yêu cầu của dự án và sản phẩm.

1.8 PROJECT MANAGEMENT KNOWLEDGE AREAS

LĨNH VỰC KIẾN THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Mỗi lĩnh vực kiến thức làm 1 nhóm các yêu cầu kiến thức được định nghĩa và mô tả theo các quy trình, thực hành, đầu vào, đầu ra, công cụ và kỹ thuật liên quan

Mặc dù các lĩnh vực kiến thức là liên quan, nhưng chúng được định nghĩa tách biệt về mặt phương diện quản lý dự án



10 LĨNH VỰC KIẾN THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN TRONG PMBOK

1. Quản lý tích hợp (Project Integration Management): Bao gồm các quy trình và hoạt động để nhận diện, định nghĩa, tích hợp, đồng bộ và điều phối các quy trình và hoạt động quản lý dự án khác nhau trong công tác quản lý dự án.

2. Quản lý công việc (Project Scope Management) : Bao gồm các quy trình cần thiết để đảm bảo dự án bao gồm các công việc được yêu cầu, và chỉ có những công việc yêu cầu, để hoàn thành dự án 1 cách thành công




3. Quản lý tiến độ : bao gồm các quy trình cần thiết để quản lý việc hoàn thành dự án 1 cách đúng lúc

4.Quản lý chi phí dự án : bao gồm các quy trình như lập kế hoạch, ước tính, lập ngân sách , tài chính, cấp vốn, quản lý, kiểm soát chi phí giúp dự án hoàn thành trong ngân sách được phê duyệt

5.Quản lý chất lượng dự án: bao gồm các quy trình để tuân thủ theo chính sách chất lượng của tổ chức liên quan đến kế hoạch, quản lý, kiểm soát dự án và yêu cầu chất lượng sản phẩm , để đáp ứng được kì vọng của các bên liên quan

6.Quản lý nguồn lực : bao gồm các quy trình để nhận diện, yêu cầu, quản lý nguồn lực cần thiết cho sự thành công của dự án



7.Quản lí truyền thông dự án : Bao gồm các quy trình cần thiết để đảm bảo việc lập kế hoạch thu thập, tạo lập, phân phối, lưu trữ, nhận, quản lí , kiểm soát, giám sát thông tin dự án 1 cách phù hợp và đúng lúc

8.Quản lí rủi ro dự án : bao gồm các quy trình được triển khai nhằm lập kế hoạch, nhận diện, phân tích, xử lí, hiện thực xử lí và giám sát rủi ro của dự án

9. Quản lí thầu : bao gồm các quy trình cần thiết để mua sắm sản phẩm, dịch vụ, hoặc kết quả từ bên ngoài của nhóm dự án

10.Quản lí bên liên quan : bao gồm các quy trình cần thiết để nhận diện con người, nhóm , hoặc tổ chức có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi dự án , phân tích kì vọng của các bên liên quan và tác động của họ lên dự án , xây dựng các chiến lược quản lí phù hợp và hiệu quả các bên liên quan

1.9 PROJECT MANAGEMENT PROCESS GROUPS

NHÓM QUY TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN

Nhóm quy trình quản lý dự án là mô tả về các quy trình quản lý dự án được sử dụng để đạt được các mục tiêu của dự án. Các quy trình quản lý dự án được nhóm thành năm Nhóm Quy trình Quản lý Dự án:

1. Nhóm Quy trình Khởi đầu
2. Nhóm Quy trình Lập kế hoạch
3. Nhóm Quy trình Thực hiện
4. Nhóm Quy trình Giám sát và Điều khiển
5. Nhóm Quy trình Đóng

3 LOẠI QUY TRÌNH CHÍNH



```
graph TD; A[3 LOẠI QUY TRÌNH CHÍNH] --- B[1. Quy trình được thực hiện một lần hoặc tại các điểm đã được xác định trước trong dự án.]; A --- C[2. Quy trình được thực hiện định kỳ theo nhu cầu.]; A --- D[3. Quy trình được thực hiện liên tục suốt dự án.];
```

1. Quy trình được thực hiện một lần hoặc tại các điểm đã được xác định trước trong dự án.

2. Quy trình được thực hiện định kỳ theo nhu cầu.

3. Quy trình được thực hiện liên tục suốt dự án.

Các quy trình cụ thể trong các Nhóm Quy trình thường được lặp lại trước khi hoàn thành một giai đoạn hoặc dự án.

1.10. YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP VÀ TÀI SẢN QUY TRÌNH TỔ CHỨC

- Các dự án tồn tại và hoạt động trong môi trường có thể có tác động lên chúng
- Những tác động này có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đối với dự án.
- Có hai loại tác động chính là yếu tố môi trường doanh nghiệp (EEFs) và tài sản quản lý tổ chức (OPAs).

1.10. YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP VÀ TÀI SẢN QUY TRÌNH TỔ CHỨC

⚙ ENTERPRISE ENVIRONMENTAL FACTORS

- EEFs bắt nguồn từ môi trường bên ngoài dự án và thường là bên ngoài doanh nghiệp. Những yếu tố này liên quan đến các điều kiện không nằm trong tầm kiểm soát của nhóm dự án, có thể ảnh hưởng, hạn chế hoặc định hướng dự án.
- EEFs có thể có tác động ở cấp doanh nghiệp, portfolio, chương trình hoặc dự án.
- Một tập hợp những yếu tố như vậy bao gồm văn hóa tổ chức nội bộ, cấu trúc và quản lý. Ví dụ: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị, niềm tin, quy tắc văn hóa, hệ thống hành chính và quan hệ quyền lực.

1.10. YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP VÀ TÀI SẢN QUY TRÌNH TỔ CHỨC

⚙ ORGANIZATIONAL PROCESS ASSETS

- OPAs nội bộ thuộc về doanh nghiệp. Chúng có thể phát sinh từ chính doanh nghiệp, portfolio, chương trình khác, một dự án khác hoặc sự kết hợp của chúng.
- OPAs bao gồm các kế hoạch, quy trình, chính sách, thủ tục và cơ sở kiến thức cụ thể được sử dụng bởi tổ chức thực hiện.
- Những tài sản này ảnh hưởng đến việc quản lý dự án. Ví dụ: các quy trình kiểm soát thay đổi, mẫu, thông tin từ các dự án trước đây và kho lưu trữ bài học kinh nghiệm.

1.11. ĐIỀU CHỈNH CÁC TẠO TÁC DỰ ÁN


- Thuật ngữ "tạo tác" trong ngữ cảnh này bao gồm các quy trình quản lý dự án, đầu vào, công cụ, kỹ thuật, đầu ra, yếu tố môi trường doanh nghiệp (EEFs) và tài sản quy trình tổ chức (OPAs).
- Quản lý dự án và nhóm quản lý dự án chọn lựa và sửa đổi các tạo tác thích hợp để sử dụng trong dự án cụ thể của họ. Hoạt động lựa chọn và sửa đổi này được gọi là điều chỉnh.

1.11. ĐIỀU CHỈNH CÁC TẠO TÁC DỰ ÁN

- Kế hoạch quản lý dự án là một trong những tạo tác phổ biến nhất. Nó bao gồm nhiều thành phần, chẳng hạn như các kế hoạch quản lý phụ, các đường cơ sở và mô tả về chu kỳ dự án.
- Một phần của điều chỉnh là xác định các thành phần của kế hoạch quản lý dự án cần thiết cho một dự án cụ thể.
- Kế hoạch quản lý dự án là một đầu vào và các cập nhật kế hoạch quản lý dự án là một đầu ra của nhiều quy trình trong tiêu chuẩn này.



1.11. ĐIỀU CHỈNH CÁC TẠO TÁC DỰ ÁN

- Bảng 1-2 sau đây là một danh sách đại diện về các thành phần kế hoạch quản lý dự án và tài liệu dự án.
 - Đây không phải là danh sách hoàn chỉnh, nhưng nó cung cấp các loại tài liệu thường được sử dụng để giúp quản lý dự án.
- 

Project Management Plan	Project Documents	
1. Scope management plan	1. Activity attributes	19. Quality control measurements
2. Requirements management plan	2. Activity list	20. Quality metrics
3. Schedule management plan	3. Assumption log	21. Quality report
4. Cost management plan	4. Basis of estimates	22. Requirements documentation
5. Quality management plan	5. Change log	23. Requirements traceability matrix
6. Resource management plan	6. Cost estimates	24. Resource breakdown structure
7. Communications management plan	7. Cost forecasts	25. Resource calendars
8. Risk management plan	8. Duration estimates	26. Resource requirements
9. Procurement management plan	9. Issue log	27. Risk register
10. Stakeholder engagement plan	10. Lessons learned register	28. Risk report
11. Change management plan	11. Milestone list	29. Schedule data
12. Configuration management plan	12. Physical resource assignments	30. Schedule forecasts
13. Scope baseline	13. Project calendars	31. Stakeholder register
14. Schedule baseline	14. Project communications	32. Team charter
15. Cost baseline	15. Project schedule	33. Test and evaluation documents
16. Performance measurement baseline	16. Project schedule network diagram	
17. Project life cycle description	17. Project scope statement	
18. Development approach	18. Project team assignments	

1.11. ĐIỀU CHỈNH CÁC TẠO TÁC DỰ ÁN

- Tài liệu kinh doanh là các tài liệu thường được tạo ra bên ngoài dự án và được sử dụng như đầu vào cho dự án. Ví dụ về tài liệu kinh doanh bao gồm trường hợp kinh doanh và kế hoạch quản lý lợi ích.
- Việc sử dụng tài liệu kinh doanh sẽ phụ thuộc vào văn hóa công ty và quy trình khởi đầu dự án.

THANK YOU

